TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 3 - 2023
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hoài Ẩn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trương

2/ Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 245/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hợp đồng góp hụi" giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Tôn Huỳnh Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 323/33, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh H.

Người làm chứng: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị Trúc M cho bà Trần Thanh T vay vốn để làm ăn. Cụ thể ngày 22/02/2021 bà M cho bà T vay 153.850.000 đồng, ngày 22/4/2022 cho bà T vay thêm 163.450.000 đồng. Tuy nhiên từ lúc vay đến nay bà T không trả lãi và gốc cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền của hai lần vay, lần vay thứ nhất yêu cầu bà T trả 153.850.000 đồng, lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 03/4/2021 đến ngày 03/10/2022 là 44.308.800 đồng. Lần vay thứ hai yêu cầu bà T trả số tiền 163.450.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 22/4/2022 đến ngày 22/9/2022 là 13.076.000 đồng. Ngoài ra bà M còn yêu cầu bà T trả số tiền 24.000.000 đồng tiền nợ hụi. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/02/2023 bà M yêu cầu bà T trả thêm số tiền nợ hụi 32.000.000 đồng, tổng số tiền bà M yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà T trả nợ gốc của hai lần vay là 317.300.000 đồng và tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà T thừa nhận có tham gia dây hụi mở ngày 30/01/2021 do bà M là chủ hụi, hụi 2.000.000 đồng/ tháng, gồm có 35 phần, bà T là người hốt đầu. Bà T thống nhất trả cho bà M số tiền nợ hụi 56.000.000 đồng. Đối với số tiền vay, bà T thừa nhận chỉ vay số tiền 15.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ ngày 22/02/2021 âm lịch với số tiền 153.850.000 đồng, bà T thừa nhận có ký tên nhận nợ, tuy nhiên là do bị ép buộc ký nhưng không có ai chứng kiến sự việc này, số tiền bà vay không phải số tiền như biên nhận nợ đã viết. Đối với số tiền 163.450.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 22/3/2022 âm lịch bà T cho rằng bà không có nợ và cũng không có ký tên vào biên nhận nợ, chữ ký không phải của bà và bà cũng không có yêu cầu giám định chữ ký. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận chữ ký trong hai biên nhận ngày 22/02/2021 và ngày 22/3/2023 đều do bà ký, tuy nhiên đều do bị ép buộc, do cộng dồn tiền lãi. Bà T cho rằng quá trình vay bà đóng lãi nhiều lần, tuy nhiên đóng bao nhiêu bà không nhớ và cũng không có giấy tờ, biên nhận gì chứng minh cho việc đóng lãi. Nay bà T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng tiền vay và 56.000.000 đồng tiền nợ hụi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền vay là 317.300.000 đồng và tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh T trả tiền vay và tiền nợ hụi. Nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi của dây hụi mở ngày 30/01/2021, hụi 2.000.000 đồng. Bà T thừa nhận có nợ 56.000.000 đồng nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền vay, nguyên đơn cung cấp hai biên nhận nợ, cụ thể biên nhận nợ ngày 22/02/2021 với số tiền 153.850.000 đồng và biên nhận nợ ngày 22/3/2022 với số tiền 163.450.000 đồng. Tại Tòa, bà T thừa nhận có ký tên vào hai biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà T cho rằng bị ép ký tên nhận nợ chứ số tiền gốc bà vay có 15.000.000 đồng. Bà T cho rằng thời điểm ký giấy nợ bà không có báo chính quyền địa phương và cũng không có ai chứng kiến việc bà bị ép buộc ký giấy nợ. Qua xác minh tại địa phương thì ông Đinh Văn T – Trưởng ấp A cung cấp thông tin là không ai biết sự việc này. Do bà T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh số tiền gốc đã vay là 15.000.000 đồng như bà trình bày và bà cũng không chứng minh được việc ký giấy nợ là do bị ép buộc nên bà phải trả tiền cho nguyên đơn theo hai biên nhận nợ ngày 22/02/2021 và 22/3/2022 là phù hợp.

Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 317.300.000 đồng và tiền nợ hụi 56.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nợ số tiền nợ hụi như

nguyên đơn yêu cầu, thừa nhận có ký vào hai biên nhận nợ, do đó đây là những chứng cứ không cần phải chứng minh, do đó có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không tính lãi cho bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thanh T phải chịu là 18.665.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463,465, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc M.

[2] Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả lãi cho nguyên đơn.

[3] Buộc Trần Thanh T trả cho bà Nguyễn Thị Trúc M số tiền 373.300.000 đồng. (Trong đó nợ vay là 317.300.000 đồng, nợ hụi là 56.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thanh T phải chịu là 18.665.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Trúc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.967.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010702 ngày 07/11/2022 và được nhận lại 800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010941 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Văn Trương **Võ Văn Trường** **Dương Hoài Ẩn**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận**:*
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Dương Hoài Ẩn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Dương Hoài Ẩn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại